

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **06/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 08-4-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Nh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Nh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị M - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Nh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thị M**, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Nh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm N**, sinh năm: 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Nh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện kết hôn với Lâm N vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Lộc Nh, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn tìm hiểu khoảng 12 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng cha mẹ vợ tại ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Nh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà M nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông N

Về con chung: Bà và ông Lâm N có 01 con chung tên là Thị Ái M1, sinh ngày 04/02/2015. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Bị đơn ông Lâm N trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Thị M về quan hệ hôn nhân và con chung. Bà Thị M xác định ông thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập là không đúng. Ông xác định chỉ lâu lâu có nhậu tại nơi ông làm việc hoặc đi đám tiệc, thỉnh thoảng có đánh bà M mấy bạt tay vì bà M thường xuyên sử dụng mạng xã hội, không quan tâm đến gia đình. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn vì lý do ly hôn bà M đưa ra là không đúng, mặt khác ông còn tình cảm với bà M.

Về con: Ông và bà Thị M có 01 con chung tên là Thị Ái M1, sinh ngày 04/02/2015. Nếu Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Về tài sản chung: Ngày 16/01/2019 ông có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án chia tài sản chung của hai vợ chồng là số tiền 145.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2019, ông đã tự nguyện nộp đơn rút toàn bộ đơn yêu cầu phản tố. Nay ông Vẫn giữ nguyên đơn rút yêu cầu phản tố

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Cho bà Thị M được ly hôn với ông Lâm N.

Về con: Giao con tên Thị Ái M1, sinh ngày 04/02/2015 cho bà Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Lâm N, yêu cầu của bà Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lâm N cư trú tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị M, sinh năm: 1995 và ông Lâm N, sinh năm: 1993 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà Thị M và ông Lâm N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà M xác định: Ông N thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà M nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc; ông Lâm N xác định: Lâu lâu có nhậu tại nơi ông làm việc hoặc đi đám tiệc, thỉnh thoảng có đánh bà M mấy bạt tay vì bà M thường xuyên sử dụng mạng xã hội, không quan tâm đến gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống vợ chồng giữa bà M và ông N có xảy ra mâu thuẫn, bà M và ông N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, bà M xác định không còn tình cảm với ông N. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông N đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con: Do con tên Thị Ái M1 còn nhỏ (sinh ngày 04/02/2015), hiện con đang sống cùng bà M. Xét thấy để đảm bảo cho con phát triển toàn diện về thể cũng như tinh thần nên cần giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu

Về tài sản chung: Vào ngày 16/01/2019, bị đơn ông Lâm N có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án chia tài sản chung của hai vợ chồng là số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 21/3/2019, ông N đã nộp đơn rút toàn bộ đơn yêu cầu phản tố, tại phiên tòa ông N vẫn giữ nguyên đơn rút yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà M phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Do ông N rút đơn yêu cầu phản tố và Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông N nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị M;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị M được ly hôn với ông Lâm N.

- Về con: Giao con chung tên Thị Ái M1, sinh ngày 04/02/2015 cho bà Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông N về việc yêu cầu chia tài sản chung giữa bà M và ông N là số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

3/ Về án phí: Bà Thị M chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0006366 ngày 04/01/2019.

Trả lại cho ông Lâm N số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) mà ông Lâm N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0000069 ngày 20/3/2019.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu hồ sơ*

Trần Quang Minh